

VAN HƠI NỐI HÀN THÉP RÈN A105 CLASS 800

NHÃN HIỆU	DR
TÊN SẢN PHẨM	VAN HƠI NỐI HÀN THÉP RÈN A105 CLASS 800
Kết Nối	Nối hàn lồng SW (TC-454SW)
Thân Van	Thép rèn / Forged ASTM A105
Nắp Van	Thép rèn / Forged ASTM A105
Ty Van	Thép không gỉ ASTM A182-F6a
Đế Van	Thép không gỉ ASTM A276-420
Đĩa Van	Thép không gỉ ASTM A276-420
Áp Lực	Class 800 Lbs
Nhiệt Độ	Max 425°C
Sử Dụng	Xăng, Dầu, Gas, Hơi nóng, Khí nén, Nước,
Kích Cỡ	DN15 → DN50 ~ (½" inch → 2" inch)
Tình Trạng	Hàng có sẵn, mới 100%

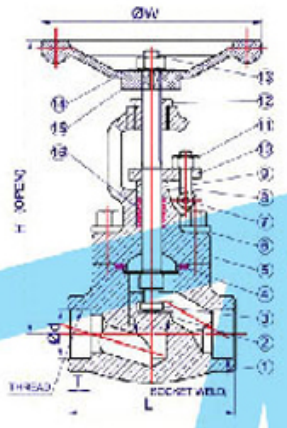
FORGED STEEL GLOBE VALVE
800LB

SCREWED END
SOCKET WELD END

DR -VALVE

800LB 鍛鋼截止閥
800LB FORGED STEEL GLOBE VALVE





牙口端 SCREWED END
TC-453S A182 F22-ANSI-800LB
TC-454S A105N-ANSI-800LB
TC-455S A182 F304-ANSI-800LB
TC-456S A182 F316-ANSI-800LB

套焊口端 SOCKET WELD END
TC-453SW A182 F22-ANSI-800LB
TC-454SW A105N-ANSI-800LB
TC-455SW A182 F304-ANSI-800LB
TC-456SW A182 F316-ANSI-800LB

壓力測試 TEST PRESSURE:

公稱壓力	Nominal pressure	800	CL
強度試驗	Strengh testing pressure	21	MPa
上密封試驗	Back seal test	15.8	MPa
密封試驗	Seal test	15.8	MPa
氣密封試驗	Steam seal test	0.6	MPa
最高工作溫度	Max.working temperature	425	℃
適用介質	Applicable	W.O.G etc	

尺寸表 DIMENSIONS:

SIZE	d	L	H	W	T
1/2"	21.8	79	160	90	9.6
3/4"	27.2	92	161	90	12.7
1"	33.9	111	200	115	12.7
1 1/4"	42.7	120	234	145	12.7
1 1/2"	48.8	152	245	145	12.7
2"	61.1	172	285	170	15.7

材質表 MATERIALS LIST:

NO.	名稱	PART NAME	CS to ASTM Type A 105N	AS to ASTM Type F 22	SS to ASTM Type F304(L)	SS to ASTM Type F316(L)
1	閥體	BODY	A105N	A182 F22	A182 F304(L)	A182 F316(L)
2	閥瓣	DISC	A276 420	A276 F22	A276 304(L)	A276 316(L)
3	閥杆	STEM	A182 F6a	A182	A182 F304(L)	A182 F316(L)
4	墊片	GASKET	304+GRAPHITE		316+GRAPHITE	
5	閥蓋	BONNET	A105N	A182 F22	A182 F304(L)	A182 F316(L)
6	螺栓	BONNET BOLT	A193 B7	A193 B16	A193 B8	A193 B8M
7	銷軸	PIN	A276 420		A276 F304	
8	填料壓套	GLAND	A276 420		A182 F316(L)	
9	活節螺栓	GLAND EYEBOLT	A193 B7	A193 B8	A193 B8	A193 B8M
10	填料壓蓋	GLAND FLANGE	A105		A182 F304	
11	壓板螺母	GLAND NUT	A194 2H	A194 4	A194 8	A194 8M
12	閥杆螺母	YOKE NUT	A276 420			
13	鎖緊螺母	HAN'LOCK NUT	A194 2H	A194 4	A194 8	A194 8M
14	銘牌	NAMEPLATE	SS304			
15	手輪	HANDLEWHEEL	A197			
16	填料	STEM PACKING	EXPANDED GRAPHITE			

Sản phẩm khác



Van cổng inox 304 nối hàn

Xem thêm Van cổng inox 304 nối hàn



Van cửa inox 304 nối hàn A182

Xem thêm Van cửa inox 304 nối hàn A182



Van cầu hơi inox a182

Xem thêm Van cầu hơi inox a182



Van cổng hàn lồng A105

Xem thêm Van cổng hàn lồng A105

Van hoi áp lực inox 304 nối hàn a105

Xem thêm Van hoi áp lực inox 304 nối hàn a105

Van cổng Mặt bích RF, A351-CF8M Class150

Xem thêm Van cổng Mặt bích RF, A351-CF8M Class150